

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG KỸ THUẬT THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
Tầng 20, Tòa nhà Sun Wah, số 115 Nguyễn Huệ, P.Bến Nghé, Q.1, Tp.HCM

ĐT: 028.36221025 Fax: 028.36367100

-----*****-----

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ QUÝ 3/2019

THÁNG 10/2019

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2019

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/09/2019	01/01/2019
1	2	3	4	5
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		3.492.464.776.415	2.650.399.508.923
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	17.860.006.253	150.987.469.216
1. Tiền	111		17.860.006.253	150.623.832.159
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	363.637.057
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		82.800.000.000	-
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	15.d	82.800.000.000	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		3.259.191.003.311	2.428.571.117.330
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6.a	65.021.326.031	215.277.276.031
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	624.541.198.346	160.713.153.367
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	8.a	1.584.765.797.164	1.483.341.183.448
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	9.a	1.014.205.250.927	619.288.414.431
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	10	(29.342.569.157)	(50.048.909.947)
IV. Hàng tồn kho	140		50.334.409.976	69.972.766.356
1. Hàng tồn kho	141	11	50.334.409.976	69.972.766.356
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		82.279.356.875	868.156.021
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	12.a	82.279.356.875	40.500.000
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	18.a	-	827.656.021

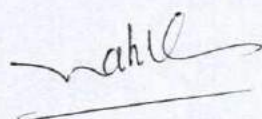
CÔNG TY MẸ - CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG KỸ THUẬT TP.HCM
Địa chỉ: Tầng 20, tòa nhà Sun Wah, số 115 đường Nguyễn Huệ, Quận 1, Tp.HCM

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/09/2019	01/01/2019
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		7.906.722.772.601	6.839.105.912.132
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		1.174.112.787.865	1.439.090.674.905
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	6.b	-	215.000.000.000
2. Phải thu về cho vay dài hạn	215	8.b	926.280.000.000	617.528.743.353
3. Phải thu dài hạn khác	216	9.b	247.832.787.865	606.561.931.552
4. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		874.875.023	1.093.593.770
1. Tài sản cố định hữu hình	221	13	874.875.023	1.093.593.770
- Nguyên giá	222		5.380.773.400	5.380.773.400
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(4.505.898.377)	(4.287.179.630)
2. Tài sản cố định vô hình	227	14	-	-
- Nguyên giá	228		1.058.840.204.896	1.058.840.204.896
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.058.840.204.896)	(1.058.840.204.896)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		2.885.218.917	2.833.501.315
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	15	2.885.218.917	2.833.501.315
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250	16	6.728.272.112.632	5.395.276.927.877
1. Đầu tư vào công ty con	251	16.a	5.824.044.087.069	3.994.367.338.154
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	16.b	713.414.900.000	1.363.022.074.160
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	16.c	214.413.125.563	67.387.515.563
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	16.d	(23.600.000.000)	(29.500.000.000)
V. Tài sản dài hạn khác	260		577.778.164	811.214.265
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	12.b	577.778.164	811.214.265
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		11.399.187.549.016	9.489.505.421.055

CÔNG TY MẸ - CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG KỸ THUẬT TP.HCM
Địa chỉ: Tầng 20, tòa nhà Sun Wah, số 115 đường Nguyễn Huệ, Quận 1, Tp.HCM

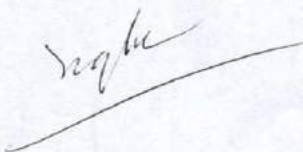
NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/09/2019	01/01/2019
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		8.086.377.348.028	6.553.701.119.297
I. Nợ ngắn hạn	310		4.385.925.468.923	4.598.658.548.582
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	17	142.377.475.528	142.382.475.528
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		5.604.825.992	1.613.874.873
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	18.b	31.994.793.114	1.215.654.740
4. Phải trả người lao động	314		-	303.188.105
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		558.600.000	213.026.096
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	19	325.521.674.519	157.589.796.808
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	20.a	3.856.495.497.339	4.264.979.989.001
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		23.372.602.431	30.360.543.431
II. Nợ dài hạn	330		3.700.451.879.105	1.955.042.570.715
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	20.b	2.348.364.759.067	593.579.002.770
2. Trái phiếu chuyển đổi	339	21	1.352.087.120.038	1.361.463.567.945
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		3.312.810.200.988	2.935.804.301.758
I. Vốn chủ sở hữu	410	22	3.312.810.200.988	2.935.804.301.758
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		2.831.681.520.000	2.830.432.730.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		2.831.681.520.000	2.830.432.730.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		385.548.202.877	385.422.992.877
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		5.968.432.055	5.968.432.055
4. Cổ phiếu quỹ	415		(851.997.873.500)	(851.997.873.500)
5. Quỹ đầu tư phát triển	418		193.013.957.959	193.013.957.959
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		748.595.961.597	372.964.062.367
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		372.964.062.367	335.890.252.780
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		375.631.899.230	37.073.809.587
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		11.399.187.549.016	9.489.505.421.055

Người lập biểu



Nguyễn Thị Tuyết Nhung

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Mai Hương

TPHCM, ngày 17 tháng 10 năm 2019
Tổng Giám đốc



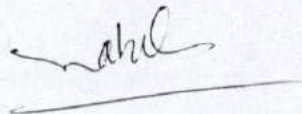
LÊ QUỐC BÌNH

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
 Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2019 đến ngày 30 tháng 09 năm 2019

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 03		Lũy kế từ 01/01 đến 30/09	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5	6	7
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		-	-	-	471.943.636
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-	-	-
3. Doanh thu thuần (10 = 01 - 02)	10		-	-	-	471.943.636
4. Giá vốn hàng bán	11		-	-	-	2.643.808.425
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		-	-	-	(2.171.864.789)
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	23	559.212.677.463	149.047.570.086	942.150.793.909	359.358.740.328
7. Chi phí tài chính	22	24	220.561.900.674	133.380.521.900	545.434.179.746	316.341.759.411
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		147.176.304.179	124.428.970.812	399.110.448.131	293.275.682.309
8. Chi phí bán hàng	25		-	-	-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	25	7.294.886.782	12.400.648.359	(2.638.051.595)	27.314.282.650
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh [30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)]	30		331.355.890.007	3.266.399.827	399.354.665.758	13.530.833.478
11. Thu nhập khác	31		-		1.888.000.000	116.914.656
12. Chi phí khác	32		-	2.240.000	11.000	379.129.625
13. Lợi nhuận khác (40=31 -32)	40		-	(2.240.000)	1.887.989.000	(262.214.969)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		331.355.890.007	3.264.159.827	401.242.654.758	13.268.618.509
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	26	24.419.013.056	-	25.610.755.528	-
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50- 51-52)	60		306.936.876.951	3.264.159.827	375.631.899.230	13.268.618.509

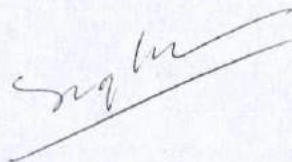
CÔNG TY MẸ - CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG KỸ THUẬT TP.HCM
Địa chỉ: Tầng 20, tòa nhà Sun Wah, số 115 đường Nguyễn Huệ, Quận 1, Tp.HCM

Người lập biểu



Nguyễn Thị Tuyết Nhung

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Mai Hương



TP.HCM, ngày 17 tháng 10 năm 2019

LÊ QUỐC BÌNH

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho niên độ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2019 đến ngày 30 tháng 09 năm 2019

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/01/2019 đến 30/09/2019	Từ 01/01/2018 đến 30/09/2018
1	2	3	4
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	1	401.242.654.758	13.268.618.509
2. Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	2	218.718.747	205.351.381
Các khoản dự phòng	3	(26.606.340.790)	-
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	4	-	(385.081.830)
Lãi từ hoạt động đầu tư	5	(942.150.793.909)	(358.863.058.498)
Chi phí lãi vay	6	408.727.777.379	295.617.500.491
Các khoản điều chỉnh khác	7	(51.717.602)	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	8	(158.619.701.417)	(50.156.669.947)
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	9	1.004.748.618.294	(144.072.245.531)
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	-	2.643.808.425
Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	278.150.452.566	(67.354.798.003)
(Tăng)/giảm chi phí trả trước	12	(33.699.019.199)	(430.926.897)
Tiền lãi vay đã trả	14	(366.955.480.738)	(262.559.111.532)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	724.541.033.890	(521.929.943.485)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	-	(7.059.154.125)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(1.739.462.385.759)	(1.593.868.851.139)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	688.692.905.820	1.282.074.074.760
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(1.372.143.359.660)	(1.162.275.354.688)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	277.470.395.362	43.351.261.496
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	142.431.940.546	91.696.430.532
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(2.003.010.503.691)	(1.346.081.593.164)

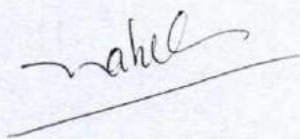
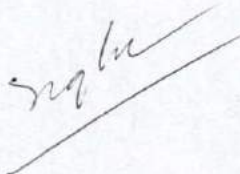
CÔNG TY MẸ - CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG KỸ THUẬT TP.HCM
 Địa chỉ: Tầng 20, tòa nhà Sun Wah, số 115 đường Nguyễn Huệ, Quận 1, Tp.HCM

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/01/2019 đến 30/09/2019	Từ 01/01/2018 đến 30/09/2018
1	2	3	4
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	(47.788.780.500)
2. Tiền thu từ đi vay	33	5.660.408.165.182	3.296.461.535.948
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	(4.515.064.584.097)	(1.613.724.317.623)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(1.574.247)	(249.833.578)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	1.145.342.006.838	1.634.698.604.247
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50	(133.127.462.963)	(233.312.932.402)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	150.987.469.216	243.343.487.530
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)	70	17.860.006.253	10.030.555.128

TP.HCM, ngày 27 tháng 10 năm 2019

Người lập biểu

Kế toán trưởng


Nguyễn Thị Tuyết Nhung

Nguyễn Thị Mai Hương

LÊ QUỐC BÌNH

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Niên độ kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2019

Đơn vị tính: đồng

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn:

Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103000747 ngày 24 tháng 12 năm 2001 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp, và qua các lần thay đổi. Vốn điều lệ của Công ty là 2.831.681.520.000 đồng, được chia thành 283.168.152 cổ phần bằng nhau, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 09 năm 2019 là 81.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính của Công ty là :

- Ngành nghề kinh doanh của Công ty là đầu tư xây dựng, khai thác, kinh doanh hạ tầng kỹ thuật đô thị theo phương thức hợp đồng xây dựng - kinh doanh - chuyển giao (B.O.T); hợp đồng xây dựng - chuyển giao (BT); kinh doanh bất động sản; thực hiện thu phí giao thông đường bộ; sản xuất, mua bán các thiết bị chuyên dùng trong lĩnh vực thu phí giao thông và xây dựng; xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, công trình giao thông, công trình đường ống thoát nước.

- Hoạt động chính của Công ty là đầu tư xây dựng, khai thác, kinh doanh hạ tầng kỹ thuật đô thị theo phương thức hợp đồng xây dựng - kinh doanh - chuyển giao (B.O.T); hợp đồng xây dựng - chuyển giao (BT); thực hiện thu phí giao thông đường bộ; đầu tư và quản lý các công ty con, công ty liên doanh, liên kết.

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỲ KẾ TOÁN

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập bằng đồng Việt Nam (VNĐ), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các nguyên tắc kế toán được chấp nhận chung tại Việt Nam. Những nguyên tắc này bao gồm các quy định tại các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành về kế toán tại Việt Nam.

Các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Hình thức kế toán áp dụng: Nhật ký chung.

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Báo cáo tài chính kèm theo được lập cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2019.

III. ÁP DỤNG CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Công ty đã tuân thủ các chuẩn mực kế toán hiện hành trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này.
Báo cáo tài chính được lập theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, các khoản ký cược, ký quỹ, phải thu khác và các khoản đầu tư tài chính.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, dự phòng phải trả, các khoản vay và trái phiếu phát hành.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán theo cam kết hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp khác và lệ phí trước bạ, nếu có.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng, tỷ lệ khấu hao phù hợp với Thông tư 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 do Bộ Tài chính ban hành.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm giá trị của các quyền thu phí giao thông và phần mềm máy tính.

Quyền thu phí giao thông là tài sản cố định vô hình có được từ các hợp đồng B.O.T được ký giữa Công ty và Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh do Sở tài chính làm đại diện. Nguyên giá của tài sản được xác định theo giá trị quyết toán giữa Công ty và Sở Tài chính trên cơ sở là các chi phí mà Công ty đã bỏ ra để thực hiện đầu tư xây dựng các dự án theo hợp đồng đã ký.

Quyền thu phí giao thông được khấu hao theo tỷ trọng doanh thu, theo đó giá trị trích khấu hao hàng năm được tính bằng nguyên giá nhân với tỷ lệ giữa doanh thu thu được hàng năm và tổng doanh thu ước tính.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản đầu tư tài chính và chứng khoán

Các khoản đầu tư vào công ty con

Các công ty được xem là công ty con của Công ty khi Công ty nắm quyền kiểm soát tại các công ty này. Quyền kiểm soát được xác lập khi Công ty nắm giữ trên 50% quyền biểu quyết ở công ty con để có quyền kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty đó.

CÔNG TY MẸ - CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG KỸ THUẬT TP.HCM

Địa chỉ: Tầng 20, tòa nhà Sun Wah, số 115 đường Nguyễn Huệ, Quận 1, Tp.HCM

Tại ngày 30/09/2019, Công ty có các công ty con như sau :

Tên Công ty	Tỷ lệ nắm giữ vốn điều lệ	Tỷ lệ quyền biểu quyết
1.Công ty CP Đầu tư và Xây dựng cầu đường Bình Triệu (Công ty Bình Triệu)	98,85%	98,85%
2.Công ty TNHH Đầu tư Cao ốc Văn phòng Điện Biên Phủ (Công ty Cao Ốc Văn Phòng Điện Biên Phủ)	100,00%	100,00%
3.Công ty CP Đầu tư Cầu đường CII (Công ty CII B&R)	54,46%	54,46%
4.Công ty CP Xây dựng Hạ tầng CII (Công ty CII E&C)	61,71%	61,71%
5.Công ty CP Hạ tầng Nước Sài Gòn (Công ty SII)	50,61%	50,61%
6.Công ty CP Đầu tư hạ tầng kỹ thuật Vinaphil (Công ty VPII)	99,99%	99,99%
7.Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hạ tầng	100,00%	100,00%
8.Công ty TNHH MTV Đầu tư Kinh doanh Địa ốc Lữ Gia (Công ty Địa Ốc Lữ Gia)	100,00%	100,00%
9.Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm (Công ty Bắc Thủ Thiêm)	100,00%	100,00%
10. Công ty TNHH Đô Thị Xanh Sài Gòn Long Khánh (Công ty Sài Gòn Long Khánh)	95,00%	95,00%
11. Công ty Cổ phần Đầu tư năm bảy bảy (Công ty NBB)	64,80%	64,80%

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong Báo cáo tài chính sử dụng phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong Bảng Cân đối kế toán theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Công ty vào công ty liên kết, được loại bỏ khỏi Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tại ngày 30/09/2019 , Công ty có các công ty liên kết như sau :

Tên Công ty	Tỷ lệ nắm giữ vốn điều lệ	Tỷ lệ quyền biểu quyết
1.Công ty Cổ phần Đầu tư và xây dựng xa lộ Hà Nội (Công ty HNHC)	49,00%	49,00%
2. Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Thủ Thiêm	48,01%	48,01%

Các khoản đầu tư chứng khoán

Các khoản đầu tư chứng khoán được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua khoản đầu tư chứng khoán và được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư chứng khoán.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư chứng khoán

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư chứng khoán tự do trao đổi có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Các khoản trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn chủ yếu bao gồm chi phí phát hành, bảo lãnh phát hành trái phiếu, chi phí bảo dưỡng đường xá, di dời trạm, chi phí in vé cầu đường, chi phí công cụ, dụng cụ ... Các chi phí này được phân bổ theo phương pháp đường thẳng, trong đó chi phí phát hành và bảo lãnh phát hành trái phiếu được phân bổ theo thời hạn của trái phiếu, các chi phí khác phân bổ trong thời hạn từ 2 đến 3 năm.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến các dự án B.O.T trong giai đoạn khai thác hoàn vốn sẽ được ghi nhận là một khoản chi phí trả trước và được phân bổ vào kết quả kinh doanh trong kỳ theo tỷ lệ doanh thu hàng năm của dự án.

Ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát sinh và mệnh giá cổ phiếu phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu ngân quỹ.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi nhận theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản nhận được do biểu, tặng, sau khi trừ đi thuế phải nộp liên quan đến các tài sản này.

Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế số cổ phiếu do Công ty phát hành sau đó mua lại được trừ vào vốn chủ sở hữu của Công ty. Công ty không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành các công cụ vốn chủ sở hữu.

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối là số lợi nhuận (hoặc lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trừ (-) chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ hiện hành và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Nguyên tắc trích lập các khoản dự trữ, các quỹ từ lợi nhuận sau thuế căn cứ vào Điều lệ của Công ty và quyết định của Đại hội Đồng Cổ đông hàng năm.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua.

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có bằng chứng về tỷ lệ dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Doanh thu hoạt động tài chính chủ yếu là lãi tiền gửi, tiền cho vay và cổ tức, lợi nhuận từ đầu tư chứng khoán và đầu tư vào công ty con, công ty liên kết. Lãi tiền gửi, tiền cho vay ghi nhận trên cơ sở dồn tích, lãi tiền gửi ngân hàng được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng theo thông báo về lãi tiền gửi hàng tháng của ngân hàng; lãi tiền cho vay được tính căn cứ vào số dư khoản cho vay và lãi suất phù hợp với, hợp đồng vay; cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi có thông báo chia cổ tức của đơn vị nhận đầu tư và công ty con.

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Thông tư số 179/2012/TT-BTC ban hành ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty có giao dịch phát sinh. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các tài khoản này được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho các cổ đông.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN
V. ĐỐI KẾ TOÁN:

5 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/09/2019	01/01/2019
	VND	VND
Tiền mặt	5.794.559.705	110.975.240
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	12.065.446.548	150.512.856.919
Các khoản tương đương tiền	-	363.637.057
Cộng	17.860.006.253	150.987.469.216

6 PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	30/09/2019	01/01/2019
	VND	VND
a. Ngắn hạn		
Phải thu từ việc bán phần vốn trong Công ty TNHH Sài Gòn RiverFront (tên cũ là Công ty TNHH MTV Trường Thuận Phát)	64.800.000.000	215.000.000.000
Các khoản phải thu khách hàng khác	221.326.031	277.276.031
	65.021.326.031	215.277.276.031
b. Dài hạn		
Phải thu từ việc bán phần vốn trong Công ty TNHH Sài Gòn RiverFront (tên cũ là Công ty TNHH MTV Trường Thuận Phát)	-	215.000.000.000
	-	430.277.276.031
Cộng	65.021.326.031	430.277.276.031

7 TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/09/2019	01/01/2019
	VND	VND
Công ty Cổ phần Hoàng An	158.773.301.802	158.442.612.763
Công ty CII BR	462.850.380.000	-
Các đối tượng khác	2.917.516.544	2.270.540.604
Cộng	624.541.198.346	160.713.153.367

8 PHẢI THU VỀ CHO VAY

	30/09/2019	01/01/2019
	VND	VND
a. Ngắn hạn		
Phải thu các bên liên quan (*)	881.034.477.994	923.001.812.694
Công ty CP thương mại nước giải khát Khánh An	185.213.755.977	171.234.193.320
Công ty CP Đầu Tư và Thương Mại 592	58.100.000.000	-
Công ty CP Chứng Khoán Việt Thành	116.312.385.759	45.000.000.000
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Tuấn Lộc	344.105.177.434	344.105.177.434
	1.584.765.797.164	1.483.341.183.448

CÔNG TY MẸ - CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG KỸ THUẬT TP.HCM
Địa chỉ: Tầng 20, tòa nhà Sun Wah, số 115 đường Nguyễn Huệ, Quận 1, Tp.HCM

b. Dài hạn		
Phải thu các bên liên quan (**)	926.280.000.000	617.528.743.353
	<u>926.280.000.000</u>	<u>617.528.743.353</u>
Cộng	<u>2.511.045.797.164</u>	<u>2.100.869.926.801</u>

(*) Chi tiết phải thu các bên liên quan:

	30/09/2019	01/01/2019
	VND	VND
a. Ngắn hạn		
Công ty CII B&R	385.708.750.000	848.559.130.000
Công ty HNHC	182.224.078.710	21.584.078.710
Công ty Điện Biên Phủ	143.088.603.985	52.858.603.984
Công ty SII	56.100.000.000	-
Công ty TNHH MTV Xây dựng dân dụng CII E&C	13.413.045.299	-
Công ty NBB	86.000.000.000	-
Công ty Địa Ốc Lữ Gia	14.500.000.000	-
	<u>881.034.477.994</u>	<u>923.001.812.694</u>
b. Dài hạn		
Công ty NBB	-	102.028.743.353
Công ty CP BOT Trung Lương Mỹ Thuận	926.280.000.000	505.500.000.000
	<u>926.280.000.00</u>	<u>617.528.743.353</u>

9 PHẢI THU KHÁC

	30/09/2019	01/01/2019
	VND	VND
a. Ngắn hạn		
Cổ tức và lợi nhuận được chia	582.665.136.714	244.868.013.167
Lãi trái phiếu, tiền gửi và lãi cho vay	295.042.759.810	264.568.622.462
Các khoản tiền cầm cố	62.333.542.768	46.969.905.711
Nợ gốc trái phiếu Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Xây dựng	41.412.681.580	41.412.681.580
Vốn góp theo hợp đồng BCC	21.151.822.600	21.151.822.600
Phải thu người lao động	10.009.100.000	262.100.000
Các khoản phải thu khác	1.590.207.455	55.268.911
	<u>1.014.205.250.927</u>	<u>619.288.414.431</u>
b. Dài hạn		
Vốn góp vào dự án Diamond Riverside theo hợp đồng BCC	239.450.671.675	498.179.815.362
Ký cược, ký quỹ	8.382.116.190	108.382.116.190
	<u>247.832.787.865</u>	<u>606.561.931.552</u>
Cộng	<u>1.262.038.038.792</u>	<u>1.225.850.345.983</u>

CÔNG TY MẸ - CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG KỸ THUẬT TP.HCM
Địa chỉ: Tầng 20, tòa nhà Sun Wah, số 115 đường Nguyễn Huệ, Quận 1, Tp.HCM

Chi tiết phải thu các bên liên quan

Công ty CII B&R		
Lãi cho vay	73.652.866.914	134.741.878.434
Công ty HNHC		
Lãi cho vay	339.907.703.455	197.272.415.249
Cổ tức, lợi nhuận được chia	7.562.831.984	295.935.549
	332.344.871.471	196.976.479.700
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hạ tầng CII		
Cổ tức, lợi nhuận được chia	8.652.638.001	4.150.238.001
Công ty Cao ốc Văn phòng Điện Biên Phủ		
Lãi cho vay	10.828.509.082	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia	5.738.301.627	-
Các khoản phải thu khác	3.500.000.000	-
	1.590.207.455	-
Công ty NBB		
Lãi cho vay	106.803.042	56.118.636.296
Lợi nhuận đảm bảo của dự án Diamond Riverside	-	21.611.327.538
	106.803.042	34.507.308.758
Công ty Địa ốc Lữ Gia		
Cổ tức, lợi nhuận được chia	235.895.429.167	-
Công ty TNHH MTV XD Dân Dụng CII E&C		
Lãi cho vay	219.399.380	-
Công ty CP BOT Trung Lương Mỹ Thuận		
Lãi cho vay	96.329.993.314	26.814.620.253
Cộng	765.593.342.355	419.097.788.233
10 CÁC KHOẢN DỰ PHÒNG		
	30/09/2019	01/01/2019
	VND	VND
a. Ngắn hạn		
Phải thu ngắn hạn khác	(29.342.569.157)	(50.048.909.947)
b. Dài hạn		
Phải thu dài hạn khác	-	-
Cộng	(29.342.569.157)	(50.048.909.947)

CÔNG TY MẸ - CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG KỸ THUẬT TP.HCM
Địa chỉ: Tầng 20, tòa nhà Sun Wah, số 115 đường Nguyễn Huệ, Quận 1, Tp.HCM

11 HÀNG TỒN KHO

	30/09/2019	01/01/2019
	VND	VND
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	50.334.409.976	69.972.766.356

12 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN

	30/09/2019	01/01/2019
	VND	VND

a. Ngắn hạn

Chi phí phát sinh liên quan đến mua lại trái phiếu chờ phân bổ	48.306.401.575	-
Chi phí phát hành trái phiếu	33.972.955.300	-
Chi phí sửa chữa	-	40.500.000
	82.279.356.875	40.500.000

b. Dài hạn

Chi phí di dời, sửa chữa văn phòng	508.847.899	463.248.484
Công cụ dụng cụ xuất dùng	68.930.265	109.712.385
Chi phí trả trước khác	-	238.253.396
	577.778.164	811.214.265

Cộng

82.857.135.039 851.714.265

13 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ				
Tại ngày 01/01/2019	176.846.400	5.168.827.000	35.100.000	5.380.773.400
Tại ngày 30/09/2019	176.846.400	5.168.827.000	35.100.000	5.380.773.400
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Tại ngày 01/01/2019	176.846.400	4.075.233.230	35.100.000	4.287.179.630
Khấu hao trong năm	-	218.718.747	-	218.718.747
Tại ngày 30/09/2019	176.846.400	4.293.951.977	35.100.000	4.505.898.377
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 01/01/2019	-	1.093.593.770	-	1.093.593.770
Tại ngày 30/09/2019	-	874.875.023	-	874.875.023

14 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền thu phí giao thông
NGUYỄN GIÁ	
Tại ngày 01/01/2019	1.058.840.204.896
Tại ngày 30/09/2019	1.058.840.204.896
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ	
Tại ngày 01/01/2019	1.058.840.204.896
Khấu hao trong năm	-
Tại ngày 30/09/2019	1.058.840.204.896
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	
Tại ngày 01/01/2019	-
Tại ngày 30/09/2019	-

15 CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG

	30/09/2019 VND	01/01/2019 VND
Dự án di dời hạ tầng trên xa lộ Hà Nội	2.786.296.504	2.786.296.504
Các dự án khác	98.922.413	47.204.811
Cộng	2.885.218.917	2.833.501.315

16 ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a. Đầu tư vào công ty con	30/09/2019 VND	01/01/2019 VND
Công ty CII B&R	1.258.844.444.992	1.255.417.159.414
Công ty Bắc Thủ Thiêm	1.500.000.000.000	1.500.000.000.000
Công ty SII	485.383.662.063	485.383.662.063
Công ty Điện Biên Phủ	270.020.000.000	270.020.000.000
Công ty CII E&C	296.612.160.761	249.116.738.331
Công ty NBB	1.177.389.040.907	-
Công ty Sài Gòn Long Khánh	65.000.000	-
Công ty Địa ốc Lữ gia	751.300.000.000	150.000.000.000
Công ty Bình Triệu	69.382.887.750	69.382.887.750
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hạ tầng	10.000.000.000	10.000.000.000
Công ty VPII	5.046.890.596	5.046.890.596
Cộng	5.824.044.087.069	3.994.367.338.154

CÔNG TY MẸ - CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG KỸ THUẬT TP.HCM
Địa chỉ: Tầng 20, tòa nhà Sun Wah, số 115 đường Nguyễn Huệ, Quận 1, Tp.HCM

b. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

	30/09/2019 VND	01/01/2019 VND
Công ty NBB	-	810.642.074.160
Công ty HNHC	519.380.000.000	519.380.000.000
Công ty CP Hòa Phú	-	33.000.000.000
Công ty CP Đầu tư Bất động sản Thủ Thiêm	194.034.900.000	-
Cộng	713.414.900.000	1.363.022.074.160

c. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	30/09/2019 VND	01/01/2019 VND
Công ty CP Xây dựng Cầu Sài Gòn	3.187.515.563	3.187.515.563
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Xây dựng	29.500.000.000	29.500.000.000
Công ty BOT Cầu Phú Mỹ	29.700.000.000	29.700.000.000
Công ty CP Du lịch Mê Kông - Mỹ Tho	5.000.000.000	5.000.000.000
Công ty CP Sài Gòn RiverFont	147.025.610.000	-
Cộng	214.413.125.563	67.387.515.563

d. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn

	30/09/2019 VND	01/01/2019 VND
Công ty CP Đầu tư và Phát triển xây dựng	(23.600.000.000)	(29.500.000.000)

17 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/07/2019 VND	01/01/2019 VND
Công ty SII	141.300.373.374	141.300.373.374
Nhà cung cấp khác	1.077.102.154	1.082.102.154
	142.377.475.528	142.382.475.528

18 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	01/01/2019 VND	Số phải nộp trong kỳ VND	Số đã thực nộp trong kỳ VND	30/09/2019 VND
a. Phải thu				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	827.656.021	827.656.021	-	-
Cộng	827.656.021	827.656.021	-	-
b. Phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	64.410.811	(219.595.816)	58.941.945	(214.126.950)
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	24.783.099.507	-	24.783.099.507
Thuế thu nhập cá nhân	486.650.314	2.561.147.589	2.228.746.942	819.050.961
Thuế nhà thầu	657.820.843	6.581.873.323	639.697.342	6.599.996.824
Các khoản khác	6.772.772	3.000.000	3.000.000	6.772.772
Cộng	1.215.654.740	33.709.524.603	2.930.386.229	31.994.793.114

19 PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	30/09/2019 VND	01/01/2019 VND
Kinh phí công đoàn	76.354.135	-
Bảo hiểm xã hội	210.741.890	-
Bảo hiểm y tế	69.834.030	74.933.870
Phải trả chi phí sử dụng vốn các công ty trong tập đoàn	5.543.927.300	8.730.816.242
Phải trả khoản mua lại trái phiếu	96.269.853.643	-
Phải trả lãi trái phiếu	144.919.204.727	72.868.601.609
Phải trả lãi vay ngân hàng và các cá nhân khác	1.399.914.109	3.366.347.219
Phải trả chi phí duy tu trạm thu phí	26.869.293.140	28.752.293.140
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	3.249.386.160	3.250.960.407
Phải trả lãi chậm thanh toán	32.882.813.295	24.264.744.321
Các khoản phải trả khác	13.114.187.706	16.281.100.000
Cộng	325.521.674.519	157.589.796.808

Trong đó, phải trả cho các bên liên quan

	30/09/2019 VND	01/01/2019 VND
Công ty CII BR	-	2.045.196.857
Công ty Bình Triệu	393.434.361	215.369.944
Công ty CII E&C	3.851.418.017	3.564.424.372
Công ty Bắc Thủ Thiêm	352.203.508	-
Công ty VPPI	676.121.414	423.270.529
Công ty Địa Ốc Lữ Gia	-	1.975.801.116
Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu	270.750.000	255.000.000
Công ty TNHH MTV Xây dựng Dân dụng CIIE&C	-	251.753.424
Công ty TNHH MTV Vật Liệu Xây dựng CIIE&C	916.164.384	-
Công ty SII	33.882.073.569	24.264.744.321
Công ty Điện Biên Phủ	10.704.000.001	13.454.000.000
Công ty CP Xây Dựng Cầu Sài Gòn	2.777.100.000	2.777.100.000
Cộng	52.824.004.980	49.226.660.563

CÔNG TY MẸ - CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG KỸ THUẬT TP.HCM

Địa chỉ: Tầng 20, tòa nhà Sun Wah, số 115 đường Nguyễn Huệ, Quận 1, Tp.HCM

20 VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	30/09/2019	Phát sinh trong kỳ		01/01/2019
	Nợ gốc VND	Tăng	Giảm	Nợ gốc VND
1 Vay các bên liên quan (*)	1.610.112.797.991	2.511.022.791.465	2.489.432.431.587	1.588.522.438.113
2 Ngân hàng HD Bank	60.000.000.000	60.000.000.000	300.000.000.000	300.000.000.000
3 Ngân hàng VP Bank - CN Tp. HCM	199.000.000.000	199.000.000.000	200.000.000.000	200.000.000.000
4 Ngân hàng TP Bank- CN Tp. HCM	-	-	101.189.396.413	101.189.396.413
5 Vay các công ty và cá nhân khác	528.770.343.570	348.834.053.500	92.149.435.600	272.085.725.670
6 Vay các Công ty Chứng Khoán	326.964.743.535	501.765.049.499	174.800.305.964	-
7 Các khoản vay và nợ dài hạn đến hạn trả (xem Thuyết minh)	-	-	-	97.633.127.761
8 Trái phiếu đến hạn (xem Thuyết minh)	1.138.135.000.000	-	-	1.711.851.000.000
9 Chi phí phát hành trái phiếu đến hạn (xem Thuyết minh)	(6.487.387.757)	-	-	(6.301.698.956)
Cộng	3.856.495.497.339	3.620.621.894.464	3.357.571.569.564	4.264.979.989.001

CÔNG TY MẸ - CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG KỸ THUẬT TP.HCM
Địa chỉ: Tầng 20, tòa nhà Sun Wah, số 115 đường Nguyễn Huệ, Quận 1, Tp.HCM

(*) Chi tiết vay các bên liên quan

	30/09/2019	Phát sinh trong kỳ		01/01/2019
	Nợ gốc VND	Tăng	Giảm	Nợ gốc VND
Công ty Bình Triệu	34.211.683.607	3.400.000.000	6.946.522.193	37.758.205.800
Công ty CII B&R	59.146.443.331	96.400.000.000	83.774.227.094	46.520.670.425
Công ty TNHH MTV Trường Thuận Phát	-	-	299.980.000.000	299.980.000.000
Công ty CII E&C	212.654.172.319	320.749.994.306	357.882.007.172	249.786.185.185
Công ty Bắc Thủ Thiêm	1.267.932.627.059	1.887.096.057.159	1.379.249.148.461	760.085.718.361
Công ty Địa Ốc Lữ Gia	-	158.176.740.000	323.400.526.667	165.223.786.667
Công ty VPII	4.167.871.675	-	-	4.167.871.675
Công ty TNHH MTV XD Dân dụng CII E&C	-	1.000.000.000	26.000.000.000	25.000.000.000
Cty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu	12.000.000.000	24.200.000.000	12.200.000.000	-
Công ty TNHH MTV Vật Liệu XD CII E&C	20.000.000.000	20.000.000.000	-	-
Cộng	1.610.112.797.991	2.511.022.791.465	2.489.432.431.587	1.588.522.438.113

b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	30/09/2019	Phát sinh trong kỳ		01/01/2019
	Nợ gốc VND	Tăng	Giảm	Nợ gốc VND
Các khoản vay dài hạn				
Ngân hàng TMCP Bản Việt - CN Sài Gòn	-	-	41.671.665.000	41.671.665.000
Ngân hàng TMCP Việt Á	-	-	55.961.462.761	55.961.462.761
Trừ: Số phải trả trong 12 tháng tới	-	-	-	(97.633.127.761)
Cộng	-	-	97.633.127.761	-

CÔNG TY MẸ - CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG KỸ THUẬT TP.HCM
Địa chỉ: Tầng 20, tòa nhà Sun Wah, số 115 đường Nguyễn Huệ, Quận 1, Tp.HCM

	30/09/2019	Phát sinh trong kỳ		01/01/2019
	Nợ gốc VND	Tăng	Tăng	Nợ gốc VND
c. Trái phiếu phát hành				
Trái phiếu CII072022	200.000.000.000	200.000.000.000	-	-
Trái phiếu CIIBOND2019-04	799.322.404.372	799.322.404.372	-	-
Trái phiếu CII122020	298.000.000.000	1.200.000.000	-	296.800.000.000
Trái phiếu CII_ BOND2018_01	200.000.000.000	-	-	200.000.000.000
Trái phiếu BOND2018_02	100.000.000.000	-	-	100.000.000.000
Trái phiếu CII_ BOND2019_01	370.000.000.000	370.000.000.000	-	-
Trái phiếu CII_ BOND2019_02	30.000.000.000	30.000.000.000	-	-
Trái phiếu CII012029	1.118.930.188.371	1.122.151.185.601	-	(3.220.997.230)
Trái phiếu CII122019	100.000.000.000	-	-	100.000.000.000
Trái phiếu CII052022	255.624.778.567	255.624.778.567	-	-
Trái phiếu CII 41401	8.135.000.000	8.175.000.000	40.000.000	-
Trái phiếu hoán đổi phát hành cho VIAC năm 2015	-	-	462.851.000.000	462.851.000.000
Trái phiếu 650 tỷ phát hành cho Vietinbank năm 2014	-	-	69.000.000.000	69.000.000.000
Trái phiếu CII 11709	-	1.363.636.364	200.000.000.000	198.636.363.637
Trái phiếu CII 11713	-	-	300.000.000.000	300.000.000.000
Trái phiếu CII072019	-	4.938.062.593	580.000.000.000	575.061.937.407
Trừ: Mệnh giá phải trả trong 12 tháng tới	(1.138.135.000.000)	-	-	(1.711.851.000.000)
Cộng: Chi phí phát hành trái phiếu kết chuyển vào chi phí trong 12 tháng tới	6.487.387.757	-	-	6.301.698.956
Cộng	2.348.364.759.067	2.792.775.067.497	1.611.891.000.000	593.579.002.770
Cộng vay và trái phiếu	2.348.364.759.067	2.792.775.067.497	1.709.524.127.761	593.579.002.770

CÔNG TY MẸ - CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG KỸ THUẬT TP.HCM

Địa chỉ: Tầng 20, tòa nhà Sun Wah, số 115 đường Nguyễn Huệ, Quận 1, Tp.HCM

LỊCH TRẢ NỢ VAY VÀ THUÊ TÀI CHÍNH*Các trái phiếu thường được hoàn trả theo lịch biểu sau*

	30/09/2019 VND	01/01/2019 VND
Trong vòng một năm	1.138.135.000.000	1.711.851.000.000
Trong năm thứ hai	400.000.000.000	600.000.000.000
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	831.000.000.000	-
Từ năm thứ năm trở về sau	1.150.000.000.000	-
Cộng	3.519.135.000.000	2.311.851.000.000
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng tới	1.138.135.000.000	(1.711.851.000.000)
Trừ: Các khoản ghi nhận vào chi phí tài chính trong tương lai	(32.635.240.933)	(6.420.997.230)
Cộng	2.348.364.759.067	593.579.002.770

20 TRÁI PHIẾU CHUYỂN ĐỔI

	30/09/2019 VND	01/01/2019 VND
Trái phiếu chuyển đổi phát hành năm 2016 cho RAM	1.352.087.120.038	1.351.079.567.945
Trái phiếu chuyển đổi phát hành năm 2014-CII41401	-	10.384.000.000
Cộng	1.352.087.120.038	1.361.463.567.945

LỊCH THANH TOÁN TRÁI PHIẾU CHUYỂN ĐỔI

	30/09/2019 VND	01/01/2019 VND
Trong vòng một năm	-	10.384.000.000
Trong năm thứ hai	902.919.490.643	452.349.333.333
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	455.136.061.450	904.698.666.667
Cộng	1.358.055.552.093	1.367.432.000.000
Trừ: Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu ghi nhận vào vốn chủ sở hữu	(5.968.432.055)	(5.968.432.055)
Cộng	1.352.087.120.038	1.361.463.567.945

CÔNG TY MẸ - CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG KỸ THUẬT TP.HCM

Địa chỉ: Tầng 20, tòa nhà Sun Wah, số 115 đường Nguyễn Huệ, Quận 1, Tp.HCM

21 VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Tại ngày 01/01/2018	2.798.064.150.000	385.185.572.877	5.968.432.055	(804.209.093.000)	193.013.957.959	335.890.252.780	2.913.913.272.671
Chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu	2.368.580.000	237.420.000	-	-	-	-	2.606.000.000
Mua cổ phiếu trong kỳ	-	-	-	(47.788.780.500)	-	-	(47.788.780.500)
Phát hành cổ phiếu theo chương trình ESOP	30.000.000.000	-	-	-	-	-	30.000.000.000
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	-	37.073.809.587	37.073.809.587
Tại ngày 31/12/2018	2.830.432.730.000	385.422.992.877	5.968.432.055	(851.997.873.500)	193.013.957.959	372.964.062.367	2.935.804.301.758
Chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu	1.248.790.000	125.210.000	-	-	-	-	1.374.000.000
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	-	375.631.899.230	375.631.899.230
Tại ngày 30/09/2019	2.831.681.520.000	385.548.202.877	5.968.432.055	(851.997.873.500)	193.013.957.959	748.595.961.597	3.312.810.200.988

CÔNG TY MẸ - CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG KỸ THUẬT TP.HCM
Địa chỉ: Tầng 20, tòa nhà Sun Wah, số 115 đường Nguyễn Huệ, Quận 1, Tp.HCM

CHI TIẾT CỔ PHẦN	30/09/2019	01/01/2019
	Cổ phần	Cổ phần
Số lượng cổ phần đăng ký phát hành	283.168.152	283.043.273
Số lượng cổ phần đã phát hành ra công chúng	283.168.152	283.043.273
+ Cổ phần phổ thông	283.168.152	283.043.273
Số lượng cổ phần đã mua lại (cổ phiếu quỹ)	(35.329.870)	(35.329.870)
+ Cổ phần phổ thông	(35.329.870)	(33.561.510)
Số lượng cổ phần đang lưu hành	247.838.282	247.713.403
+ Cổ phần phổ thông	247.838.282	247.713.403
Mệnh giá cổ phần: 10.000 VND/cổ phần		

CÔNG TY MẸ - CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG KỸ THUẬT TP.HCM

Địa chỉ: Tầng 20, tòa nhà Sun Wah, số 115 đường Nguyễn Huệ, Quận 1, Tp.HCM

22 DOANH THU TÀI CHÍNH

	Quý 03		Lũy kế từ ngày 01/01 đến 30/09	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Cổ tức, lợi nhuận được chia	241.344.660.460	82.966.807.244	501.870.791.771	187.930.267.596
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	(32.656.690.399)	55.789.164.390	90.898.594.015	144.818.914.690
Lợi nhuận từ chuyển nhượng vốn	350.181.570.932	-	350.718.791.389	-
Lãi đầu tư trái phiếu	-	4.600.000.000	-	13.650.000.000
Lợi nhuận đảm bảo từ các dự án hợp tác đầu tư	343.136.470	5.691.598.452	(1.337.383.266)	12.463.876.212
Chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	-	-	-	385.081.830
Chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	-	-	-	110.600.000
Doanh thu tài chính khác	-	-	-	-
Cộng	559.212.677.463	149.047.570.086	942.150.793.909	359.358.740.328

Trong đó, doanh thu phát sinh từ giao dịch với các bên liên quan

Công ty NBB	343.136.470	5.691.598.452	3.964.283.108	16.901.979.441
Công ty CII E&C	-	5.962.645.029	717.216.184	8.224.754.963
Công ty CII B&R	(88.101.927.192)	16.609.044.120	(55.425.438.216)	49.506.369.972
Công ty Bắc Thủ Thiêm	-	60.000.000.000	118.500.000.000	113.000.000.000
Công ty HNHC	24.305.323.239	25.676.044.713	142.635.288.206	83.373.247.435
Công ty Điện Biên Phủ	3.734.477.804	8.851.052.899	6.146.761.952	13.351.052.899
Công ty SII	784.876.712	-	999.260.274	-
Công ty Địa ốc Lữ gia	220.054.979.167	-	237.054.979.167	6.287.332.972
Công ty CP BOT Trung Lương Mỹ Thuận	26.568.867.544	10.315.883.711	69.515.373.061	14.109.186.627
Công ty TNHH MTVXD Dân Dụng CII E&C	288.535.191	-	632.444.679	-
Công ty TNHH MTV Dịch Vụ Hạ Tầng CII	-	-	4.502.400.000	10.000.000.000
Phùng Văn Hiến	-	-	-	392.764.025
Cộng	187.978.268.935	133.106.268.924	535.334.108.090	315.146.688.334

CÔNG TY MẸ - CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG KỸ THUẬT TP.HCM
Địa chỉ: Tầng 20, tòa nhà Sun Wah, số 115 đường Nguyễn Huệ, Quận 1, Tp.HCM

23 CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Quý 03		Lũy kế từ ngày 01/01 đến 30/09	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	147.176.304.179	124.428.970.812	399.110.448.131	293.275.682.309
Chi phí phát sinh liên quan đến mua lại trái phiếu	48.306.401.576	-	96.612.803.152	-
Lỗ và chi phí thanh lý các khoản đầu tư tài chính	15.267.422.215	3.715.597.569	15.267.422.215	3.715.597.569
Chi phí bảo lãnh, phát hành trái phiếu	5.939.892.441	1.813.000.000	28.632.857.188	5.140.289.082
Lãi chậm thanh toán	3.241.004.728	3.241.004.728	9.617.329.248	9.617.329.248
Hoàn nhập dự phòng đầu tư tài chính	-	-	(5.900.000.000)	-
Chi phí tài chính khác	630.875.535	181.948.791	2.093.319.812	4.592.861.203
Cộng	220.561.900.674	133.380.521.900	545.434.179.746	316.341.759.411

Trong đó, chi phí phát sinh từ giao dịch với các bên liên quan

Công ty CII B&R	1.719.566.684	4.674.746.644	4.544.149.352	14.294.767.812
Công ty CII E&C	5.209.592.986	8.662.286.183	18.360.864.436	15.853.283.519
Công ty SII	3.241.004.728	3.241.004.728	9.824.452.536	9.617.329.248
Công ty Cầu đường Bình Triệu	788.080.294	1.116.482.063	2.481.542.224	3.313.039.166
Công ty Cao ốc Văn phòng Điện Biên Phủ	-	1.503.894.813	-	4.599.202.500
Công ty Bắc Thủ Thiêm	32.459.047.715	21.115.006.730	70.031.137.239	45.067.467.928
Công ty VPPI	85.209.822	85.209.822	252.850.885	252.850.885
Công ty TNHH MTV Dịch Vụ Hạ Tầng CII	-	329.155.556	-	976.733.334
Công ty Rạch Miễu	270.750.000	-	279.034.932	255.000.000
Công ty Địa Ốc Lữ Gia	1.165.394.404	4.762.916.667	5.733.827.225	5.872.854.167
Công ty XD XD CII E&C	-	-	429.021.123	-
Công ty VLXD CII E&C	554.520.548	-	916.164.384	-
Cộng	45.493.167.181	45.490.703.206	112.853.044.336	100.102.528.559

24 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Quý 03		Lũy kế từ ngày 01/01 đến 30/09	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	5.077.407.111	4.021.528.858	11.663.130.469	13.171.261.923
Chi phí đồ dùng văn phòng	22.303.131	14.948.016	66.909.393	54.686.966
Chi phí khấu hao	72.906.249	96.967.560	218.718.747	205.351.381
Thuế, phí và lệ phí	2.308.182	-	708.909.294	569.102.116
Hoàn nhập dự phòng đầu tư cổ phiếu và trái phiếu	-	-	(20.706.340.790)	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.119.962.109	8.229.026.188	5.021.997.747	12.942.748.891
Chi phí bằng tiền khác	-	38.177.737	388.623.545	371.131.373
Cộng	7.294.886.782	12.400.648.359	(2.638.051.595)	27.314.282.650

CÔNG TY MẸ - CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG KỸ THUẬT TP.HCM
 Địa chỉ: Tầng 20, tòa nhà Sun Wah, số 115 đường Nguyễn Huệ, Quận 1, Tp.HCM

25 CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

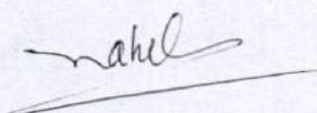
	Lũy kế từ 01/01/2019 đến 30/09/2019 VND	Lũy kế từ 01/01/2018 đến 30/09/2018 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	401.242.654.758	13.268.618.509
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	(273.188.877.118)	36.457.102.278
Các khoản chi phí không được trừ	232.643.797.761	234.466.112.658
Các khoản thu nhập không chịu thuế	(505.832.674.879)	(198.009.010.380)
Thu nhập chịu thuế	128.053.777.640	49.725.720.787
Lỗi tính thuế năm trước mang sang	-	(49.725.720.787)
Thu nhập/tính thuế	128.053.777.640	-
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	20%	20%
Thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	-	-
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	25.610.755.528	-

VI. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

Thu nhập của Ban điều hành được hưởng trong kỳ như sau:

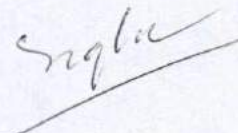
	Từ 01/01/2019 đến 30/09/2019 VND	Từ 01/01/2018 đến 30/09/2018 VND
Lương	3.222.670.000	4.202.952.522
Thưởng và các khoản thu nhập khác	238.000.000	3.658.791.270
Cộng	3.460.670.000	7.861.743.792

Người lập biểu



Nguyễn Thị Tuyết Nhung

Kế toán trưởng

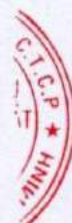


Nguyễn Thị Mai Hương

TP.HCM, ngày 11 tháng 10 năm 2019
 Tổng Giám đốc



LÊ QUỐC BÌNH



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ
HẠ TẦNG KỸ THUẬT TP.HCM**

Tầng 20, tòa nhà Sun Wah, số 115 đường Nguyễn Huệ,
P.Bến Nghé, Q.1, TP.HCM
ĐT: 028.36221025 Fax: 028.36367100

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 10 năm 2019

Số: 578/2019/CV-CII

V/v: giải trình chênh lệch kết quả hoạt động
kinh doanh Công ty Mẹ quý 3/2019

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Tp.HCM

Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Tp.Hồ Chí Minh (CII) thông báo kết quả hoạt động sản xuất – kinh doanh quý 3 năm 2019 của Công ty Mẹ như sau:

Lợi nhuận sau thuế quý 3 năm 2019 đạt 306,9 tỷ đồng, tăng cao so với cùng kỳ năm trước (lợi nhuận quý 3 năm 2018 đạt 3,3 tỷ đồng). Lợi nhuận lũy kế đến 30/09/2019 đạt 375,6 tỷ đồng, tăng 362,3 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước.

Lợi nhuận kỳ này cao hơn kỳ trước là do: Lợi nhuận được chia từ các công ty con tăng cao (tăng 158,3 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước) và thu nhập từ hoạt động thoái vốn đầu tư đã hoàn thành trong tháng 07 năm 2019.

Chi tiết về báo cáo tài chính quý 3 năm 2019 của Công ty CII, vui lòng xem tại website: www.cii.com.vn.

Trân trọng.



LÊ QUỐC BÌNH

Nơi gửi:

- Như trên
- Lưu: VP. P.TC-KT